

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
Đợt xét: 7

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp
1	450143	Nguyễn Hoàng	Dũng	26/04/2002	Buôn Ma Thuột	Nam	Kinh	Việt Nam	4501	130	7,45	2,95	Khá	Ngành Luật
2	450149	Lại Thu	Hạnh	19/10/2002	Hà Nam	Nữ	Kinh	Việt Nam	4501	129	7,91	3,26	Giỏi	Ngành Luật
3	450154	Dương Thị Thu	Trang	18/08/2002	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	4501	129	7,72	3,11	Khá	Ngành Luật
4	450243	Lê Thùy	Dương	13/02/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4502	132	8,29	3,41	Khá	Ngành Luật
5	450209	Nguyễn Phúc Bảo	Giang	03/04/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4502	128	7,11	2,73	Khá	Ngành Luật
6	450222	Nguyễn Bảo	Ngọc	23/08/2002	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	4502	127	8,11	3,32	Giỏi	Ngành Luật
7	450224	Trần Thị	Trang	12/02/2002	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	4502	134	7,41	2,94	Khá	Ngành Luật
8	450310	Tạ Thùy	Dương	30/10/2002	Son La	Nữ	Thái	Việt Nam	4503	130	7,39	2,9	Khá	Ngành Luật
9	450418	Vũ Xuân	Kỳ	16/07/2002	Yên Bái	Nam	Kinh	Việt Nam	4504	127	7,34	2,88	Khá	Ngành Luật
10	450437	Nguyễn Thị Hải	Lý	07/01/2002	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	4504	129	7,25	2,81	Khá	Ngành Luật
11	450449	Đỗ Thị Thanh	Tâm	23/08/2002	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	4504	135	7,94	3,2	Giỏi	Ngành Luật
12	450505	Phạm Quốc	Chiến	14/02/2002	Yên Bái	Nam	Kinh	Việt Nam	4505	129	7,14	2,72	Khá	Ngành Luật
13	450522	Trần Văn	Hậu	22/01/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	4505	129	7,53	3	Khá	Ngành Luật
14	450629	Trần Phương	Anh	18/03/2002	Thanh Hóa	Nữ		Việt Nam	4506	130	7,36	2,85	Khá	Ngành Luật
15	450634	Ngô Minh	Hằng	03/06/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4506	128	7,53	2,96	Khá	Ngành Luật
16	450618	Hoàng Trần Minh	Hiếu	22/12/2002	Hà Tây	Nam	Kinh	Việt Nam	4506	140	7,88	3,2	Giỏi	Ngành Luật
17	450608	Nguyễn Ánh	Hồng	23/01/2002	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	4506	127	8,03	3,3	Giỏi	Ngành Luật
18	450631	Ngô Tiến	Phong	10/09/2002	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	4506	132	7,85	3,18	Khá	Ngành Luật

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp
19	450726	Nguyễn Thị Thanh	Lam	14/04/2002	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4507	135	7,89	3,21	Giỏi	Ngành Luật
20	450823	Nguyễn Thu	Hà	05/10/2002	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	4508	128	6,98	2,65	Khá	Ngành Luật
21	450841	Phan Đức	Hoàn	03/07/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4508	130	7,45	2,97	Khá	Ngành Luật
22	450942	Bùi Xuân	Tùng	17/10/2002	Phú Thọ	Nam	Kinh	Việt Nam	4509	127	7,19	2,76	Khá	Ngành Luật
23	450956	Vàng Thị	Pinh	04/08/2001	Lai Châu	Nữ	Lự	Việt Nam	4509	131	7,37	2,9	Khá	Ngành Luật
24	451048	Đoàn Thị Cẩm	Ly	07/07/2001	Đắk Lắk	Nữ	Tày	Việt Nam	4510	128	7,46	2,96	Khá	Ngành Luật
25	451125	Đỗ Thị Thu	Hải	21/01/2002	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	4511	129	8,24	3,37	Giỏi	Ngành Luật
26	451114	Ngân Thu	Hằng	08/01/2002	Sơn la	Nữ	Thái	Việt Nam	4511	131	7,61	3,04	Khá	Ngành Luật
27	451123	Đàm Văn	Thiện	01/04/2002	Cao Bằng	Nam	Nùng	Việt Nam	4511	138	7,9	3,23	Giỏi	Ngành Luật
28	451204	Nguyễn Thu	Trang	25/08/2002	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	4512	128	8,29	3,45	Giỏi	Ngành Luật
29	451254	Đỗ Thu	Uyên	01/01/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4512	137	7,98	3,28	Giỏi	Ngành Luật
30	451315	Lê Thành	Long	17/10/2002	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	4513	133	7,49	3	Khá	Ngành Luật
31	451303	Vũ Phương	Thảo	31/10/2002	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4513	128	7,5	3,03	Khá	Ngành Luật
32	451422	Lê Thế	Bằng	19/05/2002	Hà Tây	Nam	Kinh	Việt Nam	4514	134	7,79	3,11	Khá	Ngành Luật
33	451412	Nguyễn Tiến	Đức	26/09/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	Việt Nam	4514	129	7,99	3,25	Giỏi	Ngành Luật
34	451431	Nguyễn Viết	Phong	13/08/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4514	129	7,72	3,14	Khá	Ngành Luật
35	451548	Chu Hương	Giang	28/04/2002	Hoà Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	4515	132	7,86	3,18	Khá	Ngành Luật
36	451521	Đỗ Lan	Hương	12/04/2002	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	Việt Nam	4515	135	7,78	3,18	Khá	Ngành Luật
37	451518	Trần Giang	Sơn	21/10/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	Việt Nam	4515	127	7,49	3,02	Khá	Ngành Luật
38	451644	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	04/10/2001	Cao Bằng	Nữ	Nùng	Việt Nam	4516	129	6,93	2,65	Khá	Ngành Luật
39	451612	Trần Minh	Đăng	22/03/2002	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	4516	128	7,24	2,8	Khá	Ngành Luật
40	451632	Hoàng Thái	Hưng	10/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	Việt Nam	4516	128	7,14	2,78	Khá	Ngành Luật

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp
41	451640	Vũ Minh	Thu	28/10/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4516	127	7,04	2,7	Khá	Ngành Luật
42	451602	Phan Thị Huyền	Trang	30/05/2002	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	4516	129	8,09	3,33	Giỏi	Ngành Luật
43	451711	Vũ Thị Vân	Anh	13/01/2001	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	4517	130	7,73	3,13	Khá	Ngành Luật
44	451735	Lương Thanh	Bình	04/12/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4517	131	7,85	3,19	Khá	Ngành Luật
45	451738	Hoàng Văn	Đoàn	17/01/2002	Lào Cai	Nam	Kinh	Việt Nam	4517	127	7,28	2,89	Khá	Ngành Luật
46	451733	Vương Thu	Phuong	08/12/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4517	127	7,93	3,23	Giỏi	Ngành Luật
47	451701	Nguyễn Văn	Quang	24/05/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	4517	127	7,36	2,86	Khá	Ngành Luật
48	451730	Đặng Đức	Tâm	08/03/2002	Nam Định	Nam		Việt Nam	4517	129	7,34	2,9	Khá	Ngành Luật
49	451713	Trần Minh	Tuấn	30/05/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4517	133	7,69	3,07	Khá	Ngành Luật
50	451818	Lê Minh	Dương	27/11/2002	Hà Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	4518	129	7,61	3,09	Khá	Ngành Luật
51	451853	Nguyễn Huy	Nam	30/01/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4518	130	7,98	3,27	Giỏi	Ngành Luật
52	451805	Hà Anh	Thuận	29/11/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	Việt Nam	4518	132	7,43	2,94	Khá	Ngành Luật
53	451940	Nguyễn Kiều	Linh	11/09/2002	Hà Nội	Nữ	Tày	Việt Nam	4519	130	7,31	2,86	Khá	Ngành Luật
54	451906	Hoàng Thị Ngọc	Mai	01/11/2002	.	Nữ	Kinh	Việt Nam	4519	130	7,28	2,86	Khá	Ngành Luật
55	452007	Lò Nhật	Cường	13/05/2002	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	4520	130	7,47	2,98	Khá	Ngành Luật
56	452051	Tiêu Thị Thu	Hương	15/02/2001	Bắc Kạn	Nữ	CaoLan	Việt Nam	4520	127	7,12	2,71	Khá	Ngành Luật
57	452009	Bùi Thành	Nam	01/03/2000	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	4520	131	7,38	2,91	Khá	Ngành Luật
58	452121	Nguyễn Thị Lan	Anh	22/10/2002	tỉnh Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	4521	130	7,94	3,23	Giỏi	Ngành Luật
59	452129	Phạm Thị Lan	Anh	29/09/2002	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	4521	129	7,3	2,88	Khá	Ngành Luật
60	452136	Nguyễn Thanh	Hùng	09/07/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4521	130	7,52	2,97	Khá	Ngành Luật
61	452220	Bùi Danh	Chính	15/05/2000	Hoà Bình	Nam	Mường	Việt Nam	4522	127	7,29	2,87	Khá	Ngành Luật
62	452231	Nguyễn Thị Kim	Oanh	30/12/2002	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	4522	129	7,6	3,05	Khá	Ngành Luật

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp
63	452242	Nguyễn Xuân	Phong	01/04/2002	Thanh Hoá	Nam	Kinh	Việt Nam	4522	129	7,56	3,06	Khá	Ngành Luật
64	452225	Trần Đăng	Tuấn	27/06/2001	Thái Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	4522	130	7,32	2,85	Khá	Ngành Luật
65	452315	Đào Văn	Hùng	14/03/2002	Nghệ An	Nam	Kinh	Việt Nam	4523	127	7,98	3,3	Giỏi	Ngành Luật kinh tế
66	452432	Hoàng Việt	Anh	03/03/2002	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	4524	129	7,31	2,87	Khá	Ngành Luật kinh tế
67	452415	Đặng Nguyễn Quang	Huy	22/08/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4524	128	8,38	3,48	Giỏi	Ngành Luật kinh tế
68	452555	Nguyễn Ngọc	Ánh	18/11/2002	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	4525	133	8,37	3,48	Giỏi	Ngành Luật kinh tế
69	452501	Nguyễn Thị Nhã	Phuong	15/08/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4525	127	8,02	3,26	Giỏi	Ngành Luật kinh tế
70	452538	Đào Đức	Sơn	12/03/2002	Hải Phòng	Nam	Kinh	Việt Nam	4525	130	7,8	3,14	Khá	Ngành Luật kinh tế
71	452621	Nguyễn Thảo	Nhung	12/10/2002	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	4526	129	7,35	2,88	Khá	Ngành Luật kinh tế
72	452725	Đỗ Thị Mai	Hạnh	04/09/2002	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	4527	132	8,05	3,32	Giỏi	Ngành Luật kinh tế
73	452702	Hoàng Thị	Oanh	28/11/2002	Yên Bái	Nữ	Tày	Việt Nam	4527	128	7,99	3,24	Giỏi	Ngành Luật kinh tế
74	452730	Nguyễn Thị Minh	Thu	16/03/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4527	128	8,36	3,5	Giỏi	Ngành Luật kinh tế
75	452838	Nguyễn Đức	Dũng	26/12/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4528	128	7,74	3,14	Khá	Ngành Luật kinh tế
76	452852	Trần Thị	Hiền	30/12/2002	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	4528	127	7,84	3,2	Giỏi	Ngành Luật kinh tế
77	452946	Nguyễn Minh	Anh	10/07/2002	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	4529	130	7,88	3,2	Giỏi	Ngành Luật TMQT
78	453126	Nguyễn Mạnh Hải	Anh	28/08/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4531	129	7,52	3	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh
79	453024	Dương Trường	Lâm	20/05/2002	Ninh Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	4530	140	7,03	2,69	Khá	Ngành Luật TMQT
80	453151	Ngô Ngọc	Dương	12/04/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4531	129	7,96	3,31	Giỏi	Ngành ngôn ngữ Anh
81	453127	Đoàn Hà	Trinh	14/01/2002	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4531	128	8,24	3,44	Giỏi	Ngành ngôn ngữ Anh
82	453121	Bùi Thị Hải	Yến	13/11/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4531	128	7,76	3,15	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh
83	453244	Trần Thị Phương	Anh	03/10/2002	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	4532	129	7,56	3,01	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh
84	453203	Nguyễn Ngọc Thu	Trang	14/11/2002	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	4532	128	7,39	2,9	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp
85	453417	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	23/07/2002	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	4534	127	7,94	3,23	Giỏi	Ngành Luật chất lượng cao
86	453444	Nguyễn Cửu Đức	Khánh	04/04/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4534	147	8,63	3,56	Giỏi	Ngành Luật chất lượng cao
87	453441	Trần Thanh	Thảo	14/04/2002	Lai Châu	Nữ	Kinh	Việt Nam	4534	129	8,53	3,56	Giỏi	Ngành Luật chất lượng cao
88	453615	Hoàng Lê Mai	Anh	04/10/2002	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	4536	127	7,84	3,18	Khá	Ngành Luật chất lượng cao
89	453701	Đậu Công	An	17/12/2001	Đăk Lăk	Nam	Kinh	Việt Nam	4537	128	6,78	2,49	Trung bình	Ngành Luật
90	453702	Phạm Thang Thái	An	01/01/2002	Đăk Lăk	Nam	Kinh	Việt Nam	4537	127	6,98	2,68	Khá	Ngành Luật
91	453782	Vũ Thị Mỹ	An	22/02/2002	Đăk Lăk	Nữ	Kinh	Việt Nam	4537	127	6,98	2,66	Khá	Ngành Luật
92	453703	Nguyễn Duy	Anh	26/08/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4537	131	6,97	2,64	Khá	Ngành Luật
93	453733	Hứa Thị Mai	Linh	22/02/2002	Buôn Ma Thuột	Nữ	Nùng	Việt Nam	4537	127	7,19	2,79	Khá	Ngành Luật
94	4537123	Phạm	Tín	01/01/2002	Đăk Lăk	Nam	Kinh	Việt Nam	4537	127	6,42	2,29	Trung bình	Ngành Luật